

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19/5/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Hoàng Văn Thành.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Đoàn Ngọc Sử.**

2. **Bà Nguyễn Thị Hoa.**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*

Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992

HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* **Anh Trần Ngọc Q**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(*Chị T có đơn xin vắng mặt; anh Q vắng mặt tại phiên tòa.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2020; tại bản tự khai ngày 28/02/2020 chị Nguyễn Thị T nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Trần Ngọc Q ngày 16/3/2011 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên đã nảy sinh cãi vã, xích mích, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

* *Về con chung:* Chị và anh Q có 01 con chung là Trần Thị Minh A, sinh

ngày 15/01/2012, hiện con đang ở cùng anh Q nên chị đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi con và chị có trách nhiệm cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ 1 tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

* *Về tài sản và nợ*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn đề ngày 30/02/2020 anh Trần Xuân Q bị đơn trình bày:

Ngày 29/02/2020 anh nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do công việc bận mãi anh không đến Tòa án làm được anh có ý kiến như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T xin ly hôn anh đồng ý.

* *Về con chung*: Anh và chị T có 01 con chung là Trần Thị Minh A, sinh ngày 15/01/2012, ly hôn anh có nguyện nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận mãi nên anh đề nghị xin được vắng mặt tại phiên họp việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn tuy đã nhận được thông báo của Tòa án về việc chị T xin ly hôn nhưng do công việc bận mãi anh có đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Ngọc Q.

Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Trần Thị Minh A, sinh ngày 15/01/2012, hiện con đang ở cùng anh Q nên chị T cũng đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi con nên cần được chấp nhận và chấp nhận việc chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị T và anh Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn, bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Đ, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

- Anh Q đã nhận được các văn bản tố tụng, tuy nhiên do công việc bận mãi anh đã có đơn trình bày ý kiến. Tại phiên tòa ngày 05/5/2020, anh Q vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa thứ hai anh Q vẫn vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Quý.

- Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc Q kết hôn ngày 16/3/2011 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T xin được ly hôn, anh Trần Ngọc Q đồng ý.

[2.2] Tại biên bản xác minh ngày 13/4/2020 UBND xã Đ cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Ngọc Q kết hôn ngày 16/3/2011 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Chị T và anh Q có 01 con chung là Trần Thị Minh A, sinh ngày 15/01/2012, hiện con đang ở cùng anh Q đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.3] HĐXX thấy rằng chị T, anh Q trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn, anh Q đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng anh Q không đến Tòa tham gia các buổi hòa giải do Tòa án tiến hành mục đích để vợ chồng thông cảm, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống cùng nhau nuôi dạy con chung và làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T, anh Quý không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Q là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Thảo và anh Quý có 01 con chung là Trần Thị Minh

A, sinh ngày 15/01/2012. Ly hôn anh Q có nguyện vọng nuôi con, chị T cũng đồng ý, bên cạnh đó hiện nay cháu Minh A đang ở cùng anh Q và có nguyện vọng được ở với anh Q, vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho con chung HĐXX thấy cần giao con chung Trần Thị Minh A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản và nợ: Chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Quyền kháng cáo: Chị T, anh Q có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Ngọc Q trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Minh A, sinh ngày 15/01/2012 và chấp nhận việc chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Ngọc Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng, chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008345 ngày 28/02/2020 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Ngọc Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Hoàng Văn Thành